

Tình Nghĩa, Nghĩa Tình

Khôi An

Lần đầu tiên tôi có ý định viết chuyện này là năm 1989. Năm đó, cả nước Mỹ xôn xao tranh cãi về việc một người đàn ông đã đốt lá cờ Mỹ ngay trên thềm toà nhà Quốc Hội trong buổi họp thường niên của đảng Cộng Hoà. Lúc đó tôi đã nghe nhiều bàn tán về sự kiện này từ phía chống đối cũng như phe ủng hộ. Ngày đó tôi vừa mới tốt nghiệp đại học, chưa để ý nhiều đến những sinh hoạt chính trị xã hội ở chung quanh, nhưng trong lòng tôi đột nhiên dâng lên một cảm xúc gần như là tiếc cho người đàn ông đã làm hành động đó. Nếu ông ta từng nhìn lá cờ Mỹ qua đôi mắt của tôi và của hơn một trăm người bạn đồng thuyền vào buổi sáng mùa hè năm ấy, không biết ông ta có hành động khác đi chăng"

...



Đêm trung tuần tháng 7 năm 1983 bắt đầu khá êm ả. Con thuyền nhỏ đầy kín người đã ra hải phận quốc tế được gần 24 tiếng. Tôi đã hơi quen với mùi hôi tanh lợm giọng trong thuyền nên cảm thấy hơi tỉnh táo, ngồi bó gối nhìn cô em gái nằm bên cạnh đang mê man vì say sóng. Ngược mắt nhìn lên bầu trời đang chuyển dần từ màu xám sang màu đen thẫm, tôi thầm cầu nguyện cho được bình an. Cám ơn trời, biển khá êm, con tàu không vật vờ mà chỉ chồm lên hụp xuống theo từng đợt sóng. Tiếng khóc của con nít, tiếng cầu nài than thở, tiếng chửi thề cũng lắng dần khi mọi người chìm vào giấc ngủ mệt mỏi...

Hình như tôi có thiếp đi một lúc vì khi tôi giật mình choàng dậy thì sự hoảng sợ đã chụp xuống chung quanh. Bác tài công đang hồi hả kê mấy người lái phụ và các thanh niên khác dùng bịt kín khoang thuyền nơi mọi người đang nằm chen chúc. Chiếc đèn măng xông duy nhất trong phòng máy bị thổi tắt phụt sau khi bác tài công ra lệnh:

- Tắt đèn! Tắt hết đèn đi!!!

Lắng nghe những lời thì thảo trao đổi một lúc tôi mới hiểu ra rằng tàu chúng tôi đang bị tàu cướp Thái Lan đuổi bắt. Chúng tôi phải tắt hết đèn chạy xuyên vào biển đen trong khi tàu Thái ra sức rượt theo. Cả tàu được lệnh tuyệt đối im lặng, những đứa bé vừa lên tiếng khóc phải bị bịt miệng ngay. Không biết lúc đó tôi còn trẻ quá, đại dột quá, có nhiều tin tưởng quá, hay vì cảm xúc của tôi đã tê dại đi, nên tôi không thấy sợ hãi lắm. Tôi gần như không cảm được sự hãi hùng của hơn một trăm sinh mạng đang lo ngại trong khoang thuyền bịt kín. Tôi chỉ thấy khó thở vô cùng; tôi chỉ thấy nhẹ gánh cho em tôi đang mê man, chắc nó không phải cảm thấy sự ngộp thở tưởng chừng như không kham nổi mà tôi đang chịu; tôi chỉ biết tự nhủ ráng lên, ráng lên; và tôi không ngừng cầu xin Thượng Đế, Chúa, Phật, và tất cả những đấng thiêng liêng cứu vớt chúng tôi...

Chúng tôi chạy vòng vèo ngay trước mũi tử thần trong suốt một đêm, và bình minh tới dù không ai mong đợi. Những tia sáng đã quét đi màn đêm đang che chở chúng tôi. Bác tài công buông những câu chửi thề uất hận khi khoảng cách giữa bọn cướp và chúng tôi thu ngắn trong khoảnh khắc... Rồi tôi nghe bác lại chửi, nhưng lần này đượm vẻ ngạc nhiên pha chút vui mừng:

- ĐM, hình như tụi nó bỏ đi hả bây"

Tám bịt kín khoang được hé ra cho chúng tôi khỏi chết ngộp, và qua cái khe hở nhỏ đó, một con cá nhỏ xíu bằng ngón tay cái đã phóng vào thuyền, rơi xuống ngay cạnh tôi. Tôi ngược mắt cố nhìn nhưng vì đang ngồi bẹp trong khoang thuyền nên tôi chẳng thấy được gì ngoài một mảng trời đang sáng dần.

Bỗng bác tài công và những người trong phòng máy trên cao vụt la lớn:

- Có tàu! Có tàu lớn ở đằng xa kia!

- Tàu gì vậy" Vái trời cho không phải tàu Liên Xô!

Chúng tôi như được hồi sinh, ai cũng nhồm lên nhìn nhưng vì lúc đó chiếc tàu kia chỉ là một đốm nhỏ ở xa nên tôi chưa thấy gì cả. Vài phút sau, có tiếng máy rồi một chiếc máy bay trực thăng nhỏ bay qua. Người trong thuyền la hét như điên cuồng, nhiều người đàn ông cởi áo phất lia lia nhưng máy bay chỉ lượn vài vòng rồi... mất hút. Dù sao chúng tôi cũng có một tia hy vọng ở chân trời, chúng tôi vội nhắm cái chằm ở tít đằng xa mà chạy tới. Và chiếc tàu kia hình như cũng đang chạy về phía chúng tôi vì nó càng ngày càng lớn dần.

Và, suốt đời tôi sẽ không bao giờ quên giây phút đó, giây phút người đàn ông ngồi trên cao la lạc giọng:

- Thấy rồi! Thấy cờ Mỹ rồi!!!

Nước mắt ông ràn rụa trên khuôn mặt khắc khổ lấm lem dầu máy. Mọi người đứng bật lên làm thuyền chao mạnh. Chúng tôi đã thật sự được sống!



Chiếc tàu vớt chúng tôi là một hàng không mẫu hạm của Mỹ. Nó to như một toà nhà mười mấy tầng, những người lính đầu tiên phải leo thang dây xuống để đem con nít và những người yếu sức lên trước. Em tôi đã tỉnh dậy như một phép lạ và chúng tôi bám vào thang dây, dò từng bước leo lên boong tàu. Vừa lên tới nơi, mỗi người được trao một ly sữa và một trái táo trước khi tụ tập trong một góc boong. Và ngạc nhiên thay, trên tàu đã có cả trăm người Việt Nam chạy ra mừng chúng tôi. Thì ra chiếc tàu Mỹ này vừa mới vớt một thuyền vượt biên khác ngày hôm trước. Sau khi mọi người đã lên tàu lớn, những người lính Mỹ tưới

xăng lên chiếc thuyền mà chúng tôi vừa rời khỏi rồi châm lửa đốt. Đứng trên boong tàu nhìn vói theo chiếc thuyền nhỏ xíu đang bốc cháy và trôi dần ra xa, biết rằng mình vô cùng may mắn, nhưng lòng tôi vẫn thoáng chút ngậm ngùi...

Tổng cộng thuyền nhân được cứu từ hai chiếc ghe vượt biên lên tới gần hai trăm năm mươi người. Hồi đó, tiếng Anh của tôi kém và tính tình nhút nhát nên không dám hỏi han những người lính ở trên tàu. Tôi chỉ nghe nói lại là chiếc hàng không mẫu hạm này đang trên đường đi công tác ở Phi Luật Tân. Họ đã nhìn thấy tàu chúng tôi từ rất xa và quyết định đi chéch qua để cứu chúng tôi. Chiếc trực thăng bay qua trước khi tàu đến cũng là do vị thuyền trưởng đã gọi tới để xem xét tình trạng của chúng tôi.

Không hiểu vì sao mà trên tàu có sẵn một số quần áo cũ. Chúng tôi được phép lựa những thứ tạm mặc được để thay đổi hàng ngày. Khổ nỗi đồng quần áo đã qua sự lựa chọn của những người lên trước nên chỉ còn toàn những thứ khó mặc. Tôi nhặt đại hai cái áo to bằng bốn lần khổ người tôi, và một bộ áo liền quần màu xanh bó sát. Chẳng hề gì, tôi vẫn vô cùng sung sướng vì ước mơ gần như hoang đường nay đã thành sự thật: tôi đã trốn thoát khỏi Việt Nam và đang ở trên tàu Mỹ.

Ngày đó tôi vừa học xong trung học. Sau 8 năm đói khổ sau bức màn sắt của Cộng Sản, thế hệ chúng tôi hầu như quên mất có một thế giới bên ngoài. Trong những ngày trên tàu Mỹ tôi đã gặp lại những hành động lịch sự, những cử chỉ nhân ái gần như đã biến mất trong xã hội nơi tôi vừa ra đi. Những ân nhân của chúng tôi ân cần đến từng chi tiết nhỏ, một trong những việc đầu tiên họ làm là phát phong bì, giấy bút cho chúng tôi viết thư báo tin cho người thân. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ chiếc phong bì màu xanh nhạt có hình chiếc hàng không mẫu hạm và tên tàu ở góc, tôi vẫn còn nhớ ánh mắt thương cảm của những người trên tàu nhìn chúng tôi nhếch nhác, bơ phờ dò từng bước lên tàu.

Suốt thời gian trên tàu tôi vô cùng ái ngại cho những người lính và những sĩ quan đã tốn không biết bao nhiêu công sức để lo cho hơn hai trăm người chúng tôi. Vì hàng không mẫu hạm là đơn vị quân sự nên chúng tôi không được phép ra khỏi phần cuối boong tàu. Mỗi người được phát một tấm chăn dạ màu xám, loại chăn nhà binh Mỹ mà tôi đã thấy trước năm 1975. Chăn rất tốt và khí hậu Thái Bình Dương vào mùa hè khá ấm nhưng chúng tôi phải nằm ngay trên boong và gió thổi lồng lộng khi tàu chạy nhanh nên ban đêm vẫn lạnh. Tôi ngủ được rất ít nhưng chính vì thế tôi càng có cơ hội chứng kiến sự tận tâm của những người trên tàu. Sáng sớm tôi vừa thức dậy đã thấy người ta đang lăng xăng dọn thức ăn sáng cho chúng tôi. Mát mấy tiếng mới phục vụ hết đám người đông đúc nên chỉ vài tiếng sau là họ lại lục tục lo bữa ăn trưa, rồi ăn tối. Thức ăn quá lạ miệng nên tôi không thấy ngon, ngay cả trái chuối cũng khác ở Việt Nam, nhưng tôi nhớ nhất là ly cà phê đầu tiên trên tàu. Đã từng ném những ly cà phê đen sánh quậy với sữa đặc ở Việt Nam, tôi ngạc nhiên lắm khi ngậm ngậm cà phê Mỹ pha sẵn. Thật tình, cà phê sao chua lè và trong veo, y như là nước giảo của cà phê Việt Nam!

Vấn đề vệ sinh cho hơn hai trăm người chen chúc trong khoảng không gian nhỏ mới thật là kinh khủng. Thủy thủ đoàn phải dùng nylon đen che thành mấy phòng tắm quay mặt ra biển, nhà vệ sinh cũng là nylon đen quây quanh mấy thùng sắt to. Mỗi sáng nhân viên trên tàu cùng chúng tôi dọn dẹp, và tôi không thấy người nào tỏ thái độ khó chịu cho dù trong khi làm những việc cực nhọc nhất.

Mấy ngày ngắn ngủi trên tàu mãi mãi là một trong những kỷ niệm khó quên nhất trong đời tôi. Trên chiếc hàng không mẫu hạm hùng vĩ đó, tôi đã được xem cảnh tàu chở xăng sáp vào tiếp nhiên liệu cho tàu lớn ngay trên biển, đã được chứng kiến những sinh hoạt hàng ngày quy củ rầm rập như một trong guồng máy nhưng được thực hiện bởi hải đoàn đầy ắp tình người. Tôi nhớ nhân viên trên tàu ngoài nhiệm vụ riêng họ còn phải chăm sóc đủ thứ cho chúng tôi, và phải lo rất nhiều giấy tờ cho thủ tục gửi chúng tôi vào trại tị nạn Thái Lan. Bận rộn vậy nhưng không khí trên tàu luôn ấm cúng và thân tình. Tôi vẫn nhớ lễ chào cờ mỗi sáng, đám người tị nạn đứng sát bên thủy thủ đoàn cùng lắng nghe quốc ca Hoa Kỳ vang vọng. Tôi vẫn mừng tượng được cảm giác bàng hoàng khi nhìn lá cờ Hoa Kỳ bay lồng lộng trên bầu trời xanh biếc của Thái Bình Dương mà tự nhủ không biết mình sẽ ra sao nếu chiếc tàu này đến trễ chỉ một vài tiếng trong buổi bình minh hôm trước...

Mỗi buổi chiều khi công việc đã xong, người trên tàu túa ra trò chuyện với chúng tôi. Từ vị sĩ quan trong đồng phục trắng toát tới anh thủy thủ trong đồng phục xanh, ai cũng ân cần, vui vẻ. Họ đùa giỡn với con nít, trò chuyện với mọi người, cố lắng nghe những câu tiếng Anh vụng về của chúng tôi để tìm hiểu xem chúng tôi có cần thêm gì hay không. Để chúng tôi giải khuây, họ còn căng màn chiếu phim. Tôi nhớ mãi cuốn phim đó là phim Điệp viên 007 James Bond với tựa đề "For Your Eyes Only". Giữa trời đêm lồng lộng ngàn ánh sao, trên con thuyền băng băng xuyên vào biển đen, những hình ảnh rục rờ chớp tắt trên màn ảnh vĩ đại làm tôi mơ màng tưởng như mình đang trôi trong đêm hoa đăng thần thoại của một giấc mơ kỳ diệu.

...

Như thế đó, tôi đã may mắn gặp được cái đẹp đẽ nhất của nước Mỹ trước khi đặt chân tới đất nước này. Tôi đến Mỹ với vài đô la và mấy bộ quần áo tồi tàn nhưng gia tài của tôi là lòng cảm mến sâu xa với một miền đất giàu tình người, cùng với hoài bão sẽ cố gắng sống cho xứng đáng với sự hy sinh của gia đình, với sự may mắn mà Thượng Đế đã nhờ những "sứ giả" trên tàu Mỹ đem đến cho chúng tôi.

Những bối rối vì ngôn ngữ, những trở ngại khi hội nhập đôi khi có làm tôi buồn nản, nhưng tôi thấy quay quắt nhất là những khi nhớ về Việt Nam. Những chuyện nhỏ nhặt như khi đi chợ Việt Nam, nhìn người ta xăm soi tìm cho được những trái tuyệt hảo nhất trong đám nhãn mọng tươi nhập cảng từ Á châu cũng làm tôi bùi ngùi. Tôi nghĩ đến những trái hơi có tí vết mà không ai thèm mua kia cũng có thể là hàng xuất khẩu từ Việt Nam, là tinh hoa chắt ra từ quê hương nghèo nàn của tôi, là loại hàng "xuất khẩu" mà người đi làm bình thường như cha mẹ tôi không bao giờ mua nổi.

Tuy thế, vấn đề lớn nhất tôi gặp phải trên đất Mỹ là một chuyện tôi chưa hề nghĩ tới: đó là tình cảm của tôi với nước Mỹ đã làm tôi hoang mang. Ngay từ nhỏ, những câu tục ngữ như "Con không chê cha mẹ khó, chó không chê chủ nhà nghèo" đã thấm sâu vào lòng tôi. Cho dù tôi biết chắc rằng tôi không liều mạng vượt biển vì miếng cơm manh áo, tôi ra đi không phải vì tôi chê mẹ Việt Nam nghèo khó, nhưng trong trí óc của một thiếu nữ đang trưởng thành một mình trên miền đất mới, tôi cảm thấy gần như... có lỗi khi thấy mình càng ngày càng quen với đời sống mới và thật sự yêu mến quê hương thứ hai này. Có lẽ cảm giác đó giống như đứa con nuôi của một gia đình giàu có, một ngày kia trở về quê cũ và cảm thấy băn khoăn khi bắt gặp mình ngập ngừng, xa lạ trước cha mẹ ruột nghèo nàn xấu xí.

Không hiểu may mắn hay không may cho tôi là khi chiến tranh Việt Nam đang diễn ra thì tôi còn nhỏ. Vì thế, trong lòng tôi không có cảm giác hụt hẫng và đau đớn của nhiều người lớn khi bị "đồng minh Mỹ bỏ rơi". Khi tôi nghe vài người nói rằng nước Mỹ cứu mạng chúng ta không phải vì họ tốt mà vì họ có trách nhiệm với người Việt, tôi hiểu tại sao họ nghĩ thế nhưng tôi không cảm được. Tôi kính trọng suy tư riêng của mỗi người, nhưng riêng tôi, tôi thấy cái tinh túy của hiệp chúng quốc vượt khỏi những nhiệm kỳ tổng thống hay đảng phái. Tinh túy đó đến từ những người dân Mỹ. Có lẽ tình cảm của tôi với nước Mỹ đã thành hình từ lúc nhìn con tàu mang lá cờ Mỹ lớn dần từ phía chân trời trên Thái Bình Dương, từ khoảnh khắc thấy người lính Mỹ ôm chặt em bé nhóp nhúa ói mửa vào lòng để đem lên tàu, từ khi anh thủy thủ ân cần dùng con dao nhỏ cắt bớt chiếc dép cao su cho vừa chân tôi, từ hình ảnh người sĩ quan trong bộ đồng phục trắng toát đang xắn quần, gò lưng kéo dây ghim cho thuyền nhỏ đứng yên để chúng tôi bước lên bờ biển Thái Lan, từ hình ảnh những người Mỹ đứng một hàng dài lưa luyến dõi theo đám thuyền nhân chúng tôi đang lục tục đi vào trại mà còn cố ngoái lại nhìn qua làn nước mắt.

Tôi tin rằng không phải vị thuyền trưởng nghĩ rằng người Mỹ có trách nhiệm với chúng tôi, hay vì sự may mắn

khi con cá nhỏ nhảy vào tàu mà chúng tôi được vớt. Nước Mỹ có quyền không cho phép chiếc hàng không mẫu hạm đi chệch hải đồ để cứu người, giống như bao con tàu khác đã làm ngơ với những chuyến vượt biên kém may mắn. Hơn nữa, những gì không thật sẽ không tồn tại lâu bền, cho nên tình cảm ban đầu của tôi với nước Mỹ sẽ mất đi nếu tôi không càng ngày càng thấy Hoa Kỳ là một đất nước bao dung. Tôi không ngây thơ nghĩ rằng - hay mong rằng - nước Mỹ là hoàn hảo; nhưng với tôi nước Mỹ là một dòng sông menh mông, đôi khi cũng đem theo rác dơ, đôi khi cũng dậy sóng nguy hiểm, nhưng dòng sông đó đã rộng lòng đem nước và phù sa đến cho những giống cây đến từ khắp nơi có cơ hội đơm trái ngọt.

Người sống lâu ngày trong bình an, sung sướng thường quên rằng mình may mắn. Người đàn ông đốt lá cờ Mỹ trên thềm nhà Quốc Hội chắc chỉ nhớ đến những rác rưởi trong dòng sông, chắc ông ta không hiểu rằng chỉ ở Hoa Kỳ ông ta mới dám chà đạp quốc kỳ ngay trước toà nhà lập pháp mà không sợ rằng mình sẽ "ra đi không có ngày về". Ông ta chắc chắn không biết rằng lá cờ đó đã khiến hải tặc Thái Lan buông chúng tôi, đã quyết định giữa cuộc sống bình an ở Hoa Kỳ và cái chết - hay một cuộc sống nô lệ trên xứ Thái đau khổ hơn cả cái chết - của hơn một trăm người trên chiếc thuyền vượt biên vào một ngày hè năm 1983.

...

Thời gian trôi qua. Tôi đã lớn lên và đã hiểu ra rằng tôi không hề phải chọn lựa giữa quê hương thứ nhất Việt Nam và quê hương thứ hai Hoa Kỳ. Tôi yêu mến đất nước Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ đã cứu mang tôi, cho cây tôi lớn lên thành một cây quýt ngọt, và đất nước này không hề phiền hà khi tôi đem chia sẻ trái ngọt đó với nơi tôi sinh ra. Tôi đâu phải là cá hồi mà phải chọn lựa giữa sông và biển? Tinh thần của nước Mỹ luôn khuyến khích mọi người góp sức làm thế giới tốt đẹp hơn và tôi sẽ làm như thế. Tôi sẽ cố gắng để bằng cách này hay cách khác, trao lại những may mắn và cơ hội mà tôi đã được trao. Hy vọng là tôi sẽ góp phần để một ngày nào đó người dân Việt Nam không còn phải tìm cách ra đi cho dù phải trả giá bằng tính mạng hay nhân phẩm.

Tôi yêu Việt Nam đã sinh thành ra tôi và tôi yêu Hoa Kỳ đã dưỡng dục tôi. Đôi khi tôi tần mẩn phân tích tình cảm của mình: với Việt Nam là tình, với Hoa Kỳ là nghĩa... Rồi tôi lại loay hoay tự hỏi có phải như vậy không, hay là ngược lại"? Cuối cùng tôi bật cười, nghĩ mình thật là lẩn thẩn, bởi vì tình cảm đâu cần gì phân loại và đặt tên.

Khôi An.
Mùa Giáng Sinh 2008